

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST
Ngày: 31/7/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín
dụng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Cường và bà Phan Thị Hoè.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (Sau đây gọi tắt là B).

Địa chỉ trụ sở: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến P, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P1.

Địa chỉ: K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Công H, Chức vụ: Phó Giám đốc P2, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1, có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Văn T1, sinh năm 1986, vắng mặt.

Chị Lê Thị L, sinh năm 1988, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ ông Lê Công H trình bày:

Ngày 04/11/2020, Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh P1 - phòng G đã cấp tín dụng cho anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L theo đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/10726104/HĐTD ngày 04/11/2020, số tiền vay 600.000.000 đồng đã được giải ngân ngày 04/11/2020, mục đích sử dụng thanh toán tiền mua ngư lưới cụ khai thác thủy hải sản, thời hạn cho vay là 11 tháng, từ ngày 04/11/2020 đến 04/10/2021. Lãi suất vay cố định trong hạn hiệu lực của hợp đồng là 8.2 %, lãi suất quá hạn bằng

150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh T1 và chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay cho ngân hàng từ ngày 04/10/2021. Anh T1 và chị L đã trả cho ngân hàng số tiền lãi 39.629.589 đồng, tiền gốc chưa trả.

Hợp đồng tín dụng trên bảo đảm nghĩa vụ thanh toán bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2018/10726104/HĐBĐ ngày 05/02/2018. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 635755 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp cho anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L đã đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H ngày 07/02/2018, và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà via kiên cố, tường xây bằng gạch, cửa chính và các cửa sổ bằng gỗ, nền lát gạch hoa xây dựng năm 2005, tổng diện tích 80m², công trình vệ sinh và công trình phụ trợ khác. Anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L đã quá hạn nợ gốc vay và lãi vay từ ngày 04/10/2021.

Nay Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1 đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ tạm tính theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/10726104/HĐTD ký ngày 04/11/2020 đến ngày 31/07/2024: **791.880.000 đồng**, trong đó nợ gốc: **600.000.000 đồng**; nợ lãi: **144.364.932 đồng**; lãi quá hạn: **47.515.068 đồng**.

Yêu cầu anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L tiếp tục trả lãi, phí trên số dư nợ gốc kể từ thời điểm chốt số liệu (31/07/2024) đến khi anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Nếu anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không hết số tiền trên cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản là Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10726104/HĐBĐ ngày 05/02/2018 được ký kết giữa anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L với Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ1 - Phòng giao dịch H để thu hồi nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết toàn bộ nợ gốc và lãi thì đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần dư nợ còn lại cho đến khi tất toán xong các khoản vay.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải chịu cả theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L đã nhận được nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại công văn số 75/CAX ngày 06/6/2024 Công an xã Q trình bày: Công dân Trương Văn T1, sinh năm 1986 và công dân Lê Thị L, sinh năm 1988 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Công dân Trương Văn T1 có nghề nghiệp chính là đi biển đánh cá, hết đợt đánh cá thì quay về xã Q; công dân Lê Thị L đang làm công nhân cho công ty, làm việc và đi về trong ngày. Hiện tại chưa có thông tin về việc 02 công dân trên cắt, chuyển khẩu đi khỏi địa bàn.

Ngày 01/3/2024, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp giữa B và anh T1 và chị L xác định được: thửa đất số 677, tờ bản đồ số 128-80, có diện tích 402 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trương Văn T1 và Lê Thị L số CI 635755 được UBND thị xã H cấp tháng 12 năm 2017 nay là thửa đất số 83, tờ bản đồ số 29 có diện tích thực tế là 597,1

m² tại thôn T, xã Q, T, tỉnh Nghệ An. Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Hồ Ngọc L1 có kích thước 16,92m + 1,12m+16,98m + 15,32m; Phía tây giáp đất ông Bùi Văn N và ông Trương Văn T2 có kích thước: 23,64m + 2m+ 27,53m; Phía Bắc giáp đường giao thông có kích thước 8,01m; Phía Nam giáp đất nông nghiệp có kích thước 12,76m. Diện tích đất tăng thêm 195,1 m² là đất trồng cây hàng năm, do sai số khi đo đạc. Đất không có tranh chấp với ai. Tài sản trên đất: Hai bức tường nhà xây dựng năm 1994. Đã hết giá trị khấu hao. Ngoài ra không có tài sản gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; các Điều 274; 275; 280; 288; 299; 319; 325; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ:

Buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc, lãi đến ngày 31/7/2024: **791.880.000** đồng, trong đó nợ gốc: **600.000.000** đồng; nợ lãi: **144.364.932** đồng; lãi quá hạn: **47.515.068** đồng, hợp đồng tín dụng: số 01/2020/10726104/HĐTD ký ngày 04/11/2020. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T1 và chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong trường hợp anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10726104/HĐBĐ ngày 05/02/2018 được ký kết giữa anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L và B để thu hồi nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết toàn bộ nợ gốc và lãi thì đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần dư nợ còn lại cho đến khi tất toán xong các khoản vay.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.00đ (Ba triệu đồng) Ngân hàng TMCP Đ đề nghị bị đơn trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cần chấp nhận.

Về án phí: Buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai thụ lý vụ án dân sự tuy nhiên bà Lê Thị L có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể. Vì

vậy, đây là vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Xét về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: số 01/2020/10726104/HĐTD ký ngày 04/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đ và anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L được ký kết trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo các quy định pháp luật. Nên hợp đồng được xác định là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết. Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là đã giải ngân đầy đủ cho anh T1, chị L. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T1, chị L không thực hiện đầy đủ trả nợ gốc, lãi đúng hạn theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Nên quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên phải thực hiện. Khoản vay đã quá hạn nợ gốc, lãi vay từ 04/10/2021. Do đó, bên vay đã vi phạm các điều khoản trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng. Như vậy, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh T1, chị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Các bên thỏa thuận Lãi suất vay cố định trong hạn là 8.2%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tại hợp đồng nêu trên là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Buộc bị đơn là anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 31/7/2024: **791.880.000** đồng, trong đó nợ gốc: **600.000.000** đồng; nợ lãi: **144.364.932** đồng; lãi quá hạn: **47.515.068** đồng.

[3] Xét về Hợp đồng thế chấp số 01/2018/10726104/HĐBĐ ngày 05/02/2018: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng B, anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L đã đồng ý sử dụng tài sản đã ký kết theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Theo đó anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L đồng ý thế chấp tài sản gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 635755 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp cho anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L đã đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H ngày 07/02/2018, và tài sản gắn liền với đất.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và Tòa án thu thập được thể hiện các bên ký kết hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng đã được lập thành văn bản, có công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND thị xã H, việc ký kết hợp đồng thế chấp thực hiện đúng quy định tại các Điều 295, 298, 317, 318, 319, 325 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nên hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật, các

bên có quyền và nghĩa vụ phải thực hiện. Bên cạnh đó, quyền sử dụng đất mà anh T1 và chị L đã thế chấp Ngân Hàng là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 677, tờ bản đồ số 128-80, có diện tích 402 m², nay là thửa đất số 83, tờ bản đồ số 29 có diện tích thực tế là 597,1 m² tại thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (tăng thêm 195,1 m² sai số do đo đạc) và tài sản gắn liền với đất không thay đổi, đất không có tranh chấp, đất phù hợp với quy hoạch. Do đó có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cho xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ nếu anh T1 và chị L không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ, buộc anh T1 và chị L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) Ngân hàng TMCP Đ đề nghị bị đơn trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cần chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với yêu cầu của ngân hàng về khoản tiền nợ gốc và tiền lãi suất; kỷ phần của mỗi người là ½ số tiền án phí phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274; 275; 280; 288; 299; 319; 325; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP Đ đến ngày 31/07/2024 là: **791.880.000đ** (Bảy trăm chín mươi một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc: **600.000.000** đồng; nợ lãi: **144.364.932** đồng; lãi quá hạn: **47.515.068** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T1 và chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong trường hợp anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10726104/HĐBĐ ngày 05/02/2018 được ký kết giữa anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L và B để thu hồi nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết toàn bộ nợ gốc và lãi thì buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần dư nợ còn lại cho đến khi tất toán xong các khoản vay.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tiền xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về án phí: Buộc anh Trương Văn T1 và chị Lê Thị L phải chịu 35.675.000đ (Ba mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), kỷ phần của mỗi người là $\frac{1}{2}$ số tiền án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 14.913.000đ (Mười bốn triệu chín trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008361, ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTX Hoàng Mai;
- Chi cục THADSTX Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn